

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 05 NĂM HỌC 2025 - 2026

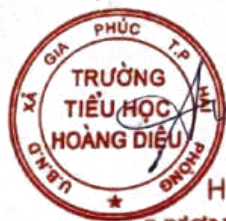
Tuần 5 tháng 10 năm học 2025-2026

Tuần 05 (Từ ngày 06/10 đến ngày 10/10 năm 2025)

Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/06-10	1	Thịt kho tàu	Thịt mông sấn	67	125,000	8,375	Chất đốt	1,000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	35	62,000	2,170	Nhân công	2,000	
	3	Canh bí đỏ nấu xương	Bí đỏ	50	18,000	900	Thuế	1,482	
			Xương lợn	8	85,000	680	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	3.24	35,000	113			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/ 07-10	1	Thịt gà chiên	Gà CN bỏ cdc	85	85,000	7,225	Chất đốt	1,000	
	2	Đậu sốt cà chua	Đậu phụ	50	32,000	1,600	Nhân công	2,000	
			Cà chua	20	25,000	500	Thuế	1,482	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	50	20,000	1,000	Khấu hao	300	
			Gà CN bỏ cdc	21	85,000	1,785			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	3.65	35,000	128			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/08-10	1	Thịt băm xào ngô	Thịt nạc xay	47	125,000	5,875	Chất đốt	1,000	
			Ngô, cà rốt, đỗ cove	20	30,000	600	Nhân công	2,000	
	2	Trứng cắt sốt cà chua	Trứng cút	40	80,000	3,200	Thuế	1,482	
			cà chua	10	125,000	1,250	Khấu hao	300	
	3	Canh rau cải nấu thịt	Rau cải	30	18,000	540			
			Thịt nạc xay	5	125,000	625			

	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	4.23	35,000	148			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/09-10	1	Cá chiên	Cá rô phi lọc	70	120,000	8,400	Chất đốt	1,000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	35	62,000	2,170	Nhân công	2,000	
	3	Canh bí đỏ nấu thịt	Bí đỏ	50	18,000	900	Thuế	1,482	
			Thịt lợn	5.5	125,000	688	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	2.3	35,000	81			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/10-10	1	Thịt băm	Thịt sản nông vai	64	125,000	8,000	Chất đốt	1,000	
	2	Xúc xích rán	Xúc xích CP	30	85,000	2,550	Nhân công	2,000	
	3	Canh mồng toi nấu tép	Mồng toi	32	18,000	576	Thuế	1,482	
			Tép đồng	6	155,000	930	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	5.2	35,000	182			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000

Hiệu Trưởng Duyệt



HIỆU TRƯỞNG
LƯƠNG THỊ LAN ANH



Người Lập Thực Đơn
Đinh Thị Hương Giang

Tổng tiền	100,000
5 ngày	5
thành tiền 1 suất	20,000